CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Công trình Viettel

Ngày 31/12/2025	85,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**2.6%**	**-**

DT thuần
Q4/25
4,000
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.0| 0.9%
YoY: ▲ 426| 11.9%

LN thuần
Q4/25
184
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.0| -11.4%
YoY: ▼14.0| -6.9%

LN sau thuế
Q4/25
164
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00| -3.0%
YoY: ▲ 8.00| 5.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
6.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE
2025
30.5%
YoY: +/-▲ 2.6%

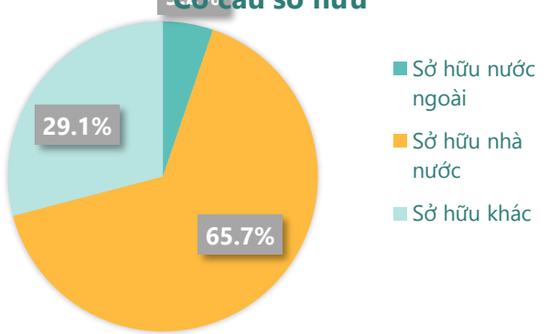
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	72,125 - 130,586
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,757
Số lượng CPLH (CP)	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	274,370
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.44
EPS	5,244
P/E	16.3

DT thuần
2025
13,940
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,330| 10.5%

LN thuần
2025
727
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0| 7.8%

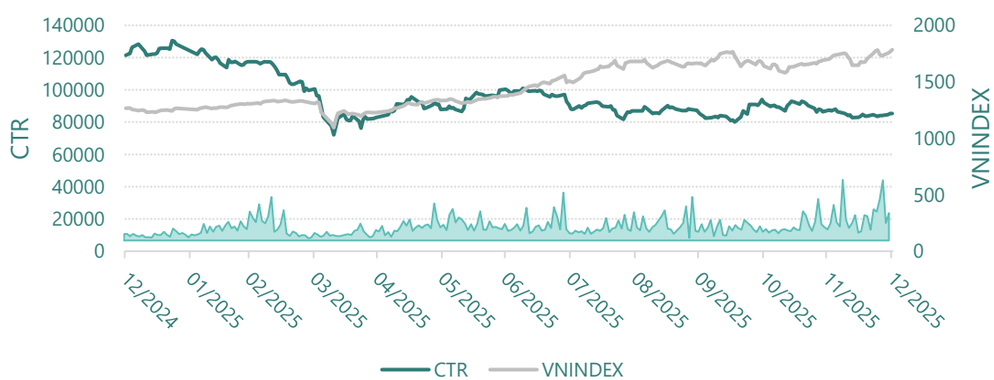
LN sau thuế
2025
600
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 62.0| 11.4%

Cơ cấu sở hữu

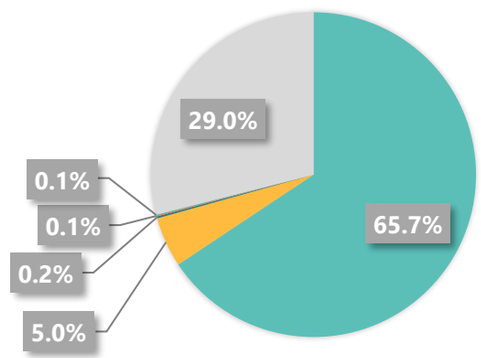


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



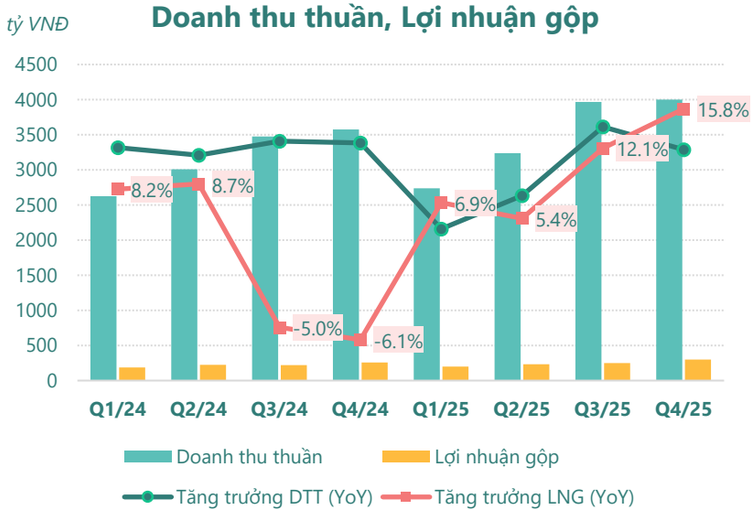
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

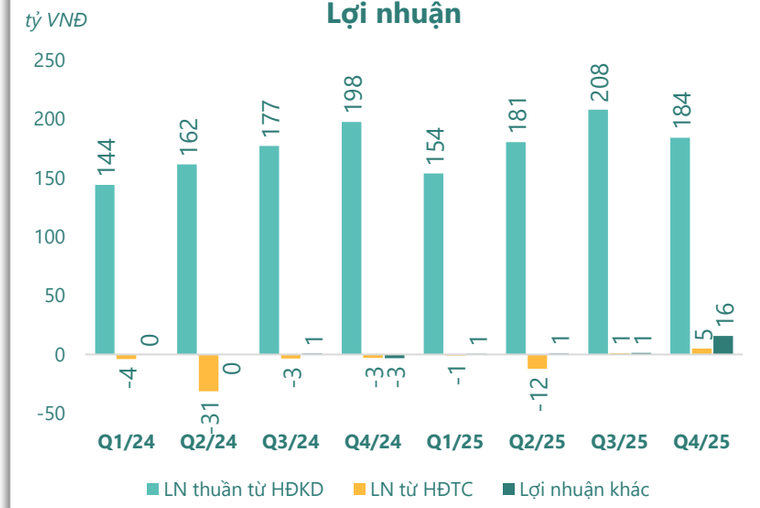
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



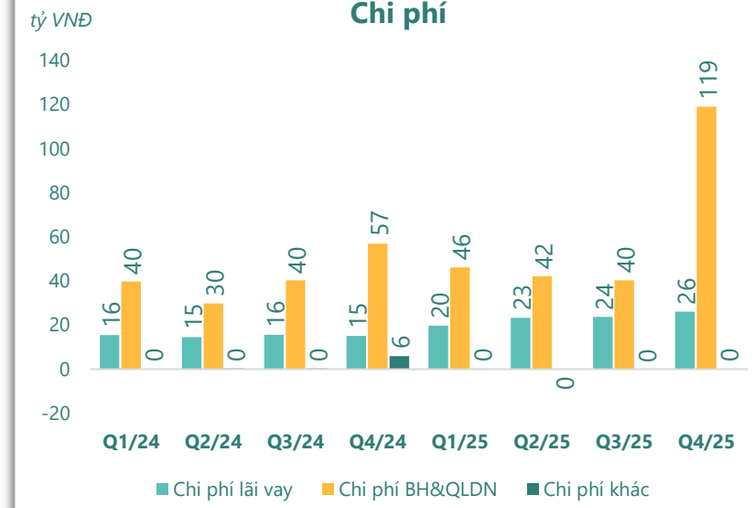
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



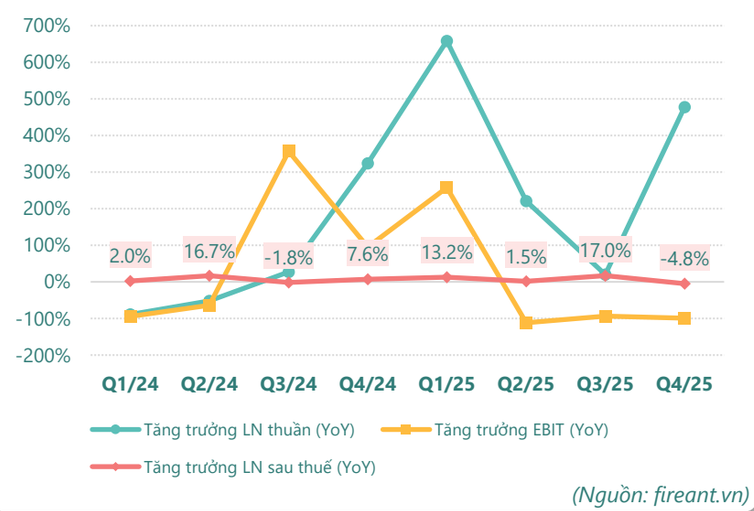
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



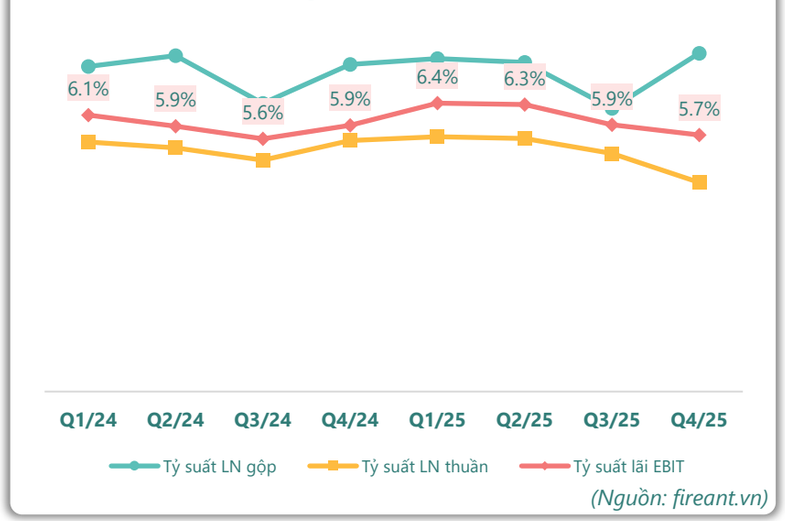
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



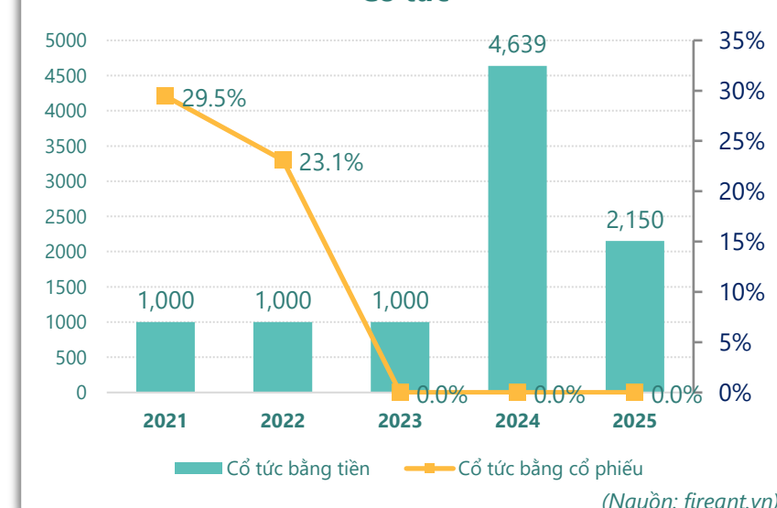
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

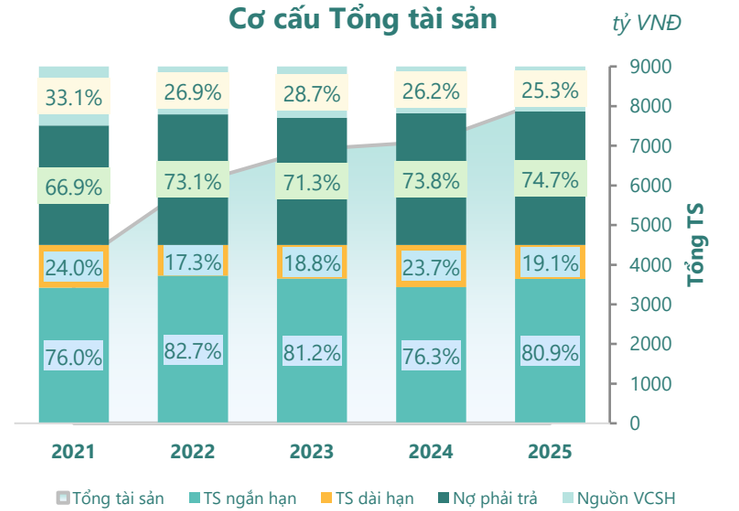
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

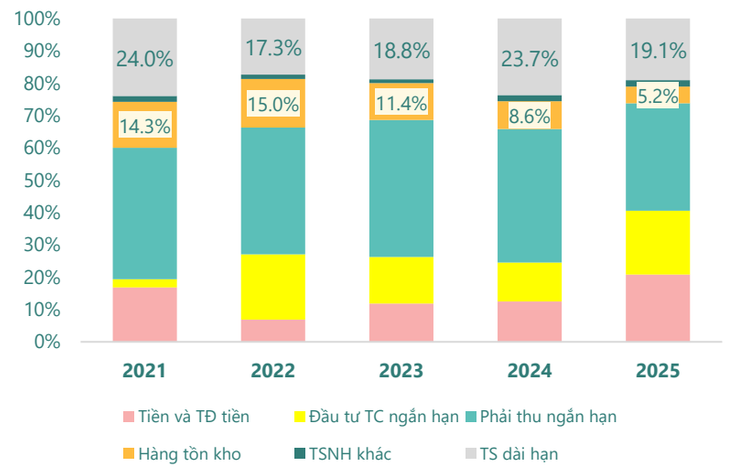
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



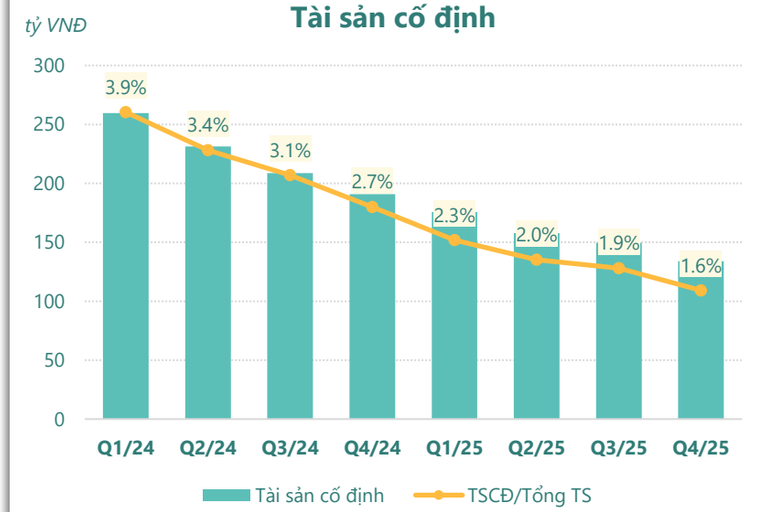
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



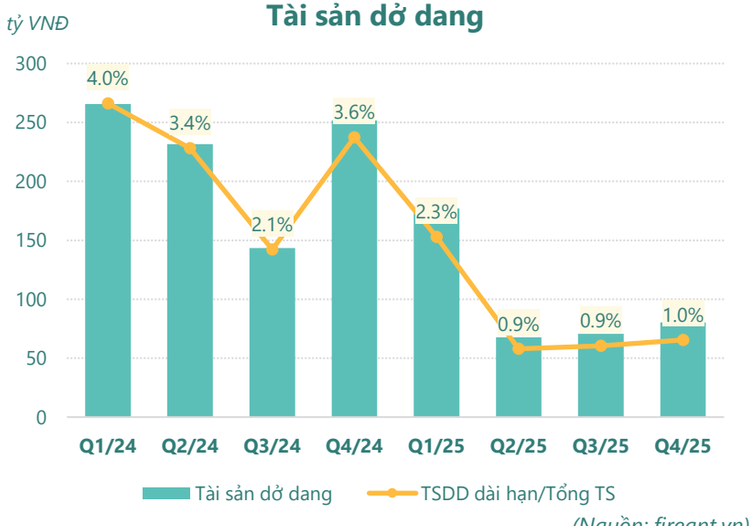
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



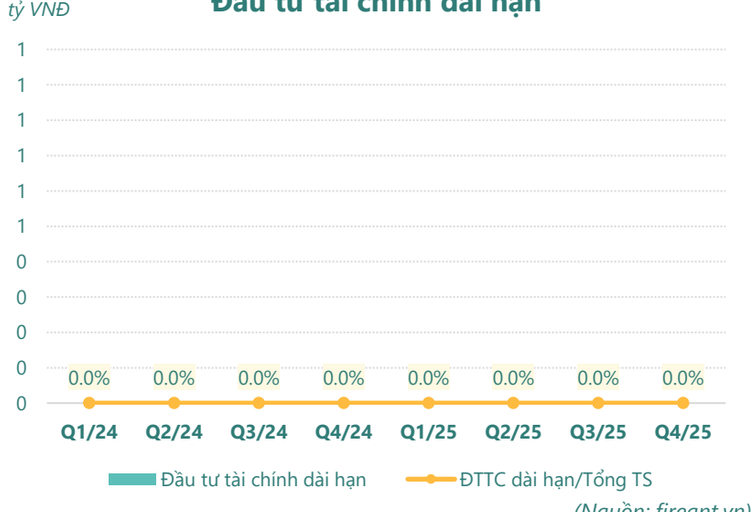
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



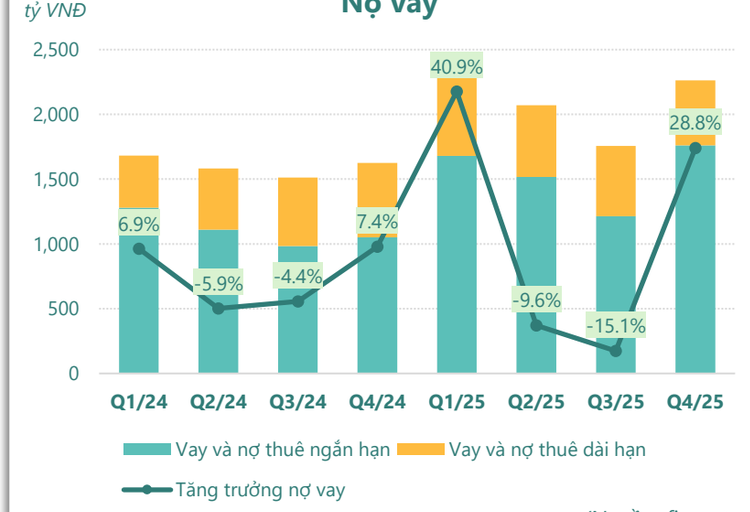
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

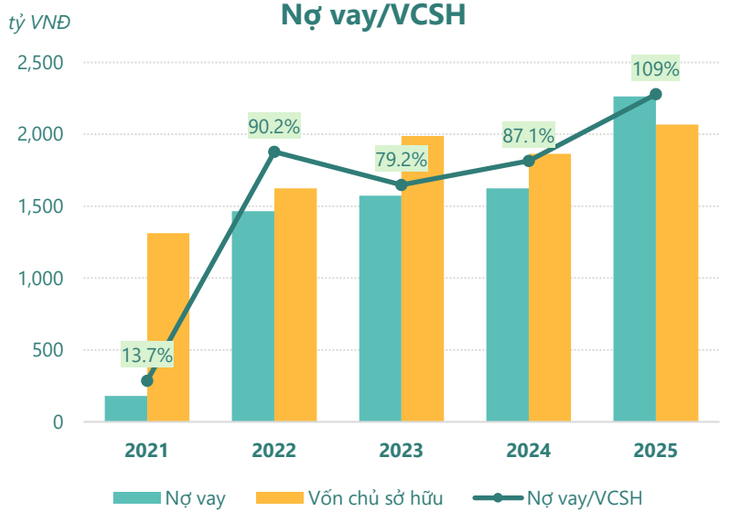
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

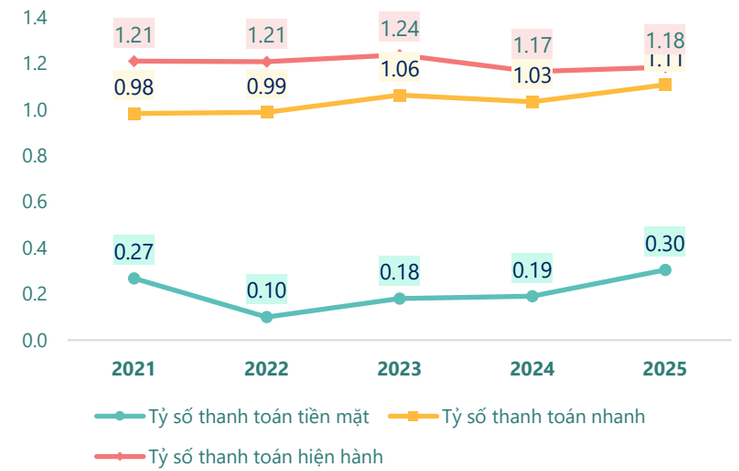
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



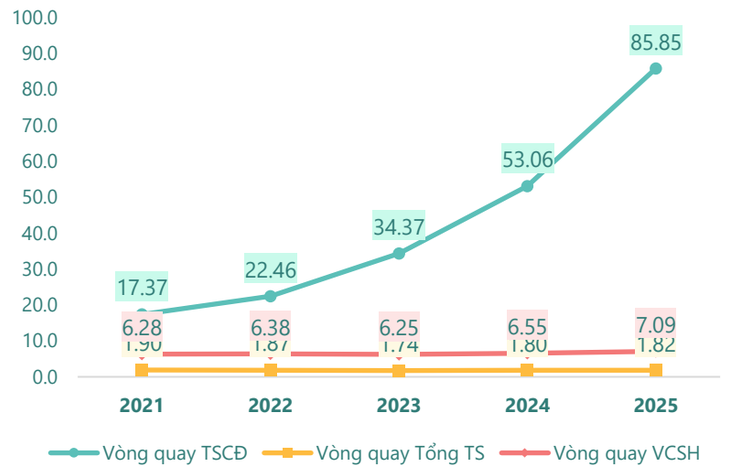
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



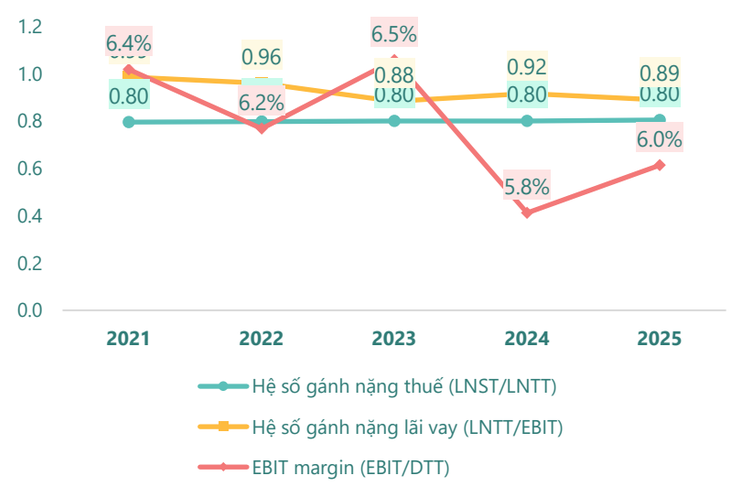
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



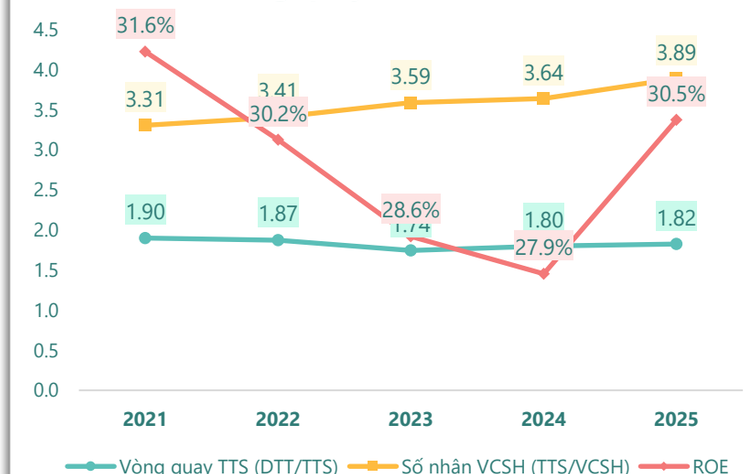
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



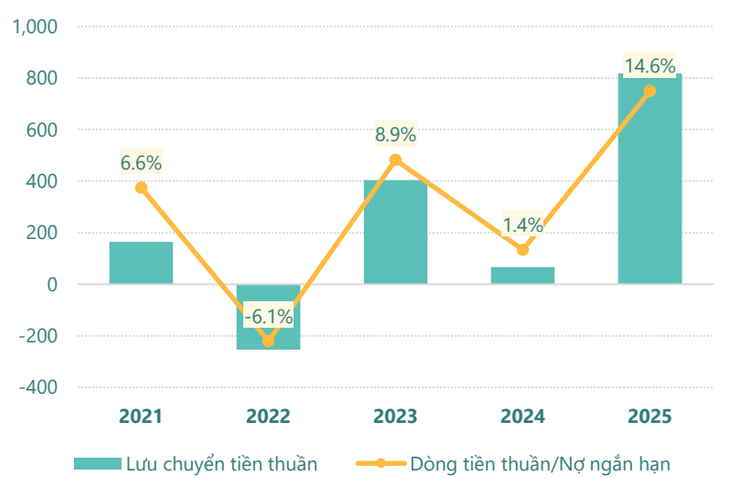
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,000**	**3,574**	**11.9%**	**13,940**	**12,610**	**10.5%**
Giá vốn hàng bán	3,701	3,316	11.6%	12,958	11,725	10.5%
Lợi nhuận gộp	298	258	15.6%	982	884	11.0%
Doanh thu HĐTC	33.9	13.0	160%	99.6	49.1	103%
Chi phí TC	28.8	15.9	81.3%	107	90.1	18.3%
Chi phí lãi vay	26.1	15.1	73.1%	92.8	60.8	52.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**119**	**56.9**	**109%**	**248**	**169**	**46.9%**
LN thuần từ HĐKD	184	198	-6.9%	727	675	7.8%
Lợi nhuận khác	**15.7**	**-3.20**	**591%**	**18.4**	**-2.52**	**829%**
LN trước thuế	200	195	2.6%	745	672	10.9%
Lợi nhuận sau thuế	**164**	**156**	**5.1%**	**600**	**538**	**11.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**164**	**156**	**5.1%**	**600**	**538**	**11.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	436	529	-296	1,017	418	318
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-225	-198	-767	118	66.2	-449
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.4	-196	665	-220	-313	262
Tiền đầu kỳ	611	751	887	489	1,404	1,575
Lưu chuyển tiền thuần	**141**	**134**	**-398**	**915**	**171**	**130**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.76	2.12	-0.11	-0.02	0	-0.27
Tiền cuối kỳ	751	888	489	1,404	1,575	1,705

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,185**	**7,106**	**15.2%**
Tài sản ngắn hạn	6,625	5,421	22.2%
Tiền và tương đương tiền	1,705	887	92.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,618	854	89.5%
Phải thu ngắn hạn	2,714	2,937	-7.6%
Hàng tồn kho	425	610	-30.4%
Tài sản ngắn hạn khác	164	134	22.8%
Tài sản dài hạn	**1,560**	**1,685**	**-7.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	134	191	-29.7%
Bất động sản đầu tư	1,335	1,223	9.2%
Tài sản dở dang	80.4	252	-68.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**19.7**	**-47.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,117	5,241	16.7%
Nợ ngắn hạn	**5,598**	**4,653**	**20.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,760	1,052	67.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	435	608	-28.4%
Nợ dài hạn	518	588	-11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	503	573	-12.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,069**	**1,865**	**10.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,069**	**1,865**	**10.9%**
Vốn điều lệ	1,144	1,144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)